

Bản án số: 634/2022/HC-PT
Ngày 16-8-2022
V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An và bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày, từ ngày 09 tháng 8 đến ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 117/2022/TLPT-HC ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1425/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Bá T, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Thôn T1, xã X1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận “Có mặt”.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

- Ông Đinh Trần Minh NUQ1, sinh năm 1995; Ông Thẩm C NUQ2, sinh năm 1995; Bà Nguyễn Thị Hải NUQ3, sinh năm 1994.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hải NUQ3: Bà Nguyễn Thị NUQ4, sinh năm 1997;

Cùng địa chỉ: phường P1, thành phố TP1, Thành phố Hồ Chí Minh “Có mặt”.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

- Luật sư – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh “Có mặt”.

- Luật sư LS2 – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh “Có mặt”.

Cùng địa chỉ: phường P1, thành phố TP1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận;
- Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Đức – Phó Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận “Có mặt”.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê C NLQ1, sinh năm 1947;
- Ông Lê Hiếu NLQ2, sinh năm 1962;
- Bà Lê Thị NLQ3, sinh năm 1955;
- Bà Lê Thị Kim NLQ4, sinh năm 1960;
- Ông Lê Thượng NLQ5, sinh năm 1966;
- Bà Lê Thị Thu NLQ6, sinh năm 1967;
- Ông Lê Hùng NLQ7, sinh năm 1969;
- Ông Lê Hùng NLQ8, sinh năm 1970;
- Bà Lê Thị Kim NLQ9, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: Xã X1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông NLQ1, ông NLQ2, bà NLQ3, bà NLQ4, ông NLQ5, bà NLQ6, ông NLQ7, ông NLQ8, bà NLQ9:

Bà Nguyễn Thị Hải NUQ3, sinh năm 1994 “Vắng mặt”;

Bà Nguyễn Thị NUQ4, sinh năm 1997 “Có mặt”.

Cùng địa chỉ: phường P1, thành phố TP1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện là ông Lê Bá T và người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của ông Lê C NLQ1, ông Lê Hiếu NLQ2, bà Lê Thị NLQ3, bà Lê Thị Kim NLQ4, ông Lê Thượng NLQ5, bà Lê Thị Thu NLQ6, ông Lê Hùng NLQ7, ông Lê Hùng NLQ8, bà Lê Thị Kim NLQ9 là: Bà Nguyễn Thị Hải NUQ3 và bà Nguyễn Thị NUQ4 có kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người khởi kiện ông Lê Bá T, trình bày:*

Ông Lê Bá T là người sử dụng diện tích 3.844m², thửa đất số 32, tờ bản đồ địa chính số 34 xã X1. Nguồn gốc đất, năm 1979 cha mẹ ruột là cụ Lê Thượng C (Chết năm 2007) và cụ Nguyễn Thị M (Chết năm 2018) được hợp tác xã nông nghiệp giao cho sử dụng (Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Ngày 03/4/2012, UBND huyện N ban hành Quyết định số 707/QĐ-UBND thu hồi thửa đất (Sau đây viết tắt là: QĐ số 707) trên giao cho UBND xã quản lý, lý do là đất công ích. Gia đình ông T đã khiếu nại nhiều năm nhưng không được các cấp chính quyền giải quyết.

Ngày 07/02/2018, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số: 219/QĐ-KPHQ (Sau đây viết tắt là: QĐ số 219) “Buộc ông Lê bá T khắc phục hậu quả do vi phạm Điều 10 Nghị định số 102/2014 của Chính phủ, buộc khôi phục lại tình trạng của đất và trả lại diện tích 3844m² đất đã chiếm”, ông T khiếu nại nhưng chính quyền huyện và tỉnh vẫn chưa giải quyết.

Ngày 23/3/2018, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số: 401/QĐ-CCXP (Sau đây viết tắt là: QĐ số 401) cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do có hành vi vi phạm hành chính, buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và giao trả 3844m² đất đã chiếm.

Ông T cho rằng, quyết định số: 401/QĐ-CCXP của Chủ tịch UBND huyện N là trái pháp luật. Nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính sau:

- Hủy Quyết định số: 707/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận về việc thu hồi đất công ích hộ ông Lê Thượng C sử dụng giao lại cho UBND xã X1 quản lý;
- Hủy Quyết định số: 2401/QĐ-UBND ngày 02/10/2012 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Hùng NLQ7. Cư ngụ: thôn T1 1, xã X1, huyện N;
- Hủy Quyết định số 219/QĐ-KPHQ ngày 07/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;
- Hủy Quyết định số: 401/QĐ-CCXP ngày 23/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;
- Buộc UBND huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.750,7m², thửa số 32, tờ bản đồ số 34 tại xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận (theo trích lục bản đồ địa chính ngày 26/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận) cho hộ ông Lê Bá T.

** Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện N và UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận, trình bày:*

Năm 2000, UBND xã X1 thu hồi đất của 14 hộ dân tại thôn T1, huyện N để quy hoạch Khu dân cư thôn T1 và thực hiện hoán đổi lại đất cho 14 hộ dân tại vùng Cây NLQ5 với tổng diện tích 2,32 ha. Sau khi hoán đổi đất cho 14 hộ dân có đất bị hồi. Diện tích đất còn lại tại vùng Cây NLQ5 2,68 ha, UBND xã X1 đã xem xét cấp cho 13 hộ dân thuộc diện chính sách, bộ đội xuất ngũ và những hộ không có đất sản xuất, trong đó có cấp cho hộ ông Lê Thượng C (cha của ông Lê Bá T) diện tích 3.844m², tại thửa 32, tờ bản đồ địa chính số 32 xã X1.

Sau khi UBND xã X1 cấp đất cho 13 hộ nêu trên, UBND huyện N được nhiều đơn thư khiếu nại, tố cáo của người dân, nên UBND huyện N đã tiến hành thanh tra, tại Kết luận thanh tra số: 637/KL-UBND ngày 18/6/2010 đã phát hiện

03 hộ gồm: Hộ ông Lê Thượng C, hộ bà Trần Thị L và hộ Võ Thị Thuộc được UBND xã X1 xét cấp đất không đúng pháp luật.

Sau đó UBND tỉnh Ninh Thuận tiếp tục nhận được nhiều đơn thư khiếu nại, tố cáo của người dân về việc giao đất cho 13 hộ dân vùng Cây NLQ5 của UBND xã X1, tại Kết luận thanh tra số: 3658/KL-UBND ngày 08/9/2011 của UBND tỉnh Ninh Thuận yêu cầu: Cương quyết thu hồi đất nếu việc giao đất không đúng quy định để đảm bảo công bằng xã hội.

Thực hiện Kết luận thanh tra số: 3658/KL-UBND ngày 08/9/2011 của UBND tỉnh Ninh Thuận nêu trên, UBND huyện N đã tiếp tục rà soát lại, ngày 13/01/2012 đã ban hành Thông báo số: 06/TB-UBND trong đó nêu rõ: Lợi dụng việc cấp đất cho các hộ chính sách, bộ đội phục viên bổ sung vào danh sách sai quy định, 03 hộ: Hộ ông Lê Thượng C, hộ bà Trần Thị L và hộ Võ Thị Thuộc.

Ngày 03/4/2012, UBND huyện N ban hành Quyết định số: 707/QĐ-UBND thu hồi diện tích 3.844m², thửa số 32, tờ bản đồ địa chính số 34 xã X1 đã cấp cho hộ ông Lê Thượng C (Hiện nay ông C đã chết-Con trai là ông Lê Hùng NLQ7 trực tiếp canh tác).

Ngày 25/6/2012, ông Lê Hùng NLQ7 (con trai của ông Lê Thượng C) có đơn khiếu nại Quyết định số 707/QĐ-UBND.

Ngày 02/10/2012, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số: 2401/QĐ-UBND không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông NLQ7.

Ngày 20/5/2013, ông Lê Hùng NLQ7 chấp hành giao diện tích 3844m², thửa đất số 32, tờ bản đồ địa chính số 34 cho UBND xã Phước Sơn quản lý, đồng thời ký Hợp đồng số 01/HĐTĐ ngày 20/5/2013 thuê lại thửa đất trên với UBND xã X1 theo giá sàn với tổng số tiền là 3.074.000đ, thời gian thuê là 02 năm (năm 2012 và 2013) và nộp tiền thuê đất đầy đủ.

Ngày 24/8/2015, ông Lê Hùng NLQ7 tiếp tục ký lại Hợp đồng thuê đất với UBND xã X1 thời hạn 02 năm (năm 2014 và 2015) với số tiền 3.805.560đ nhưng không nộp tiền thuê đất.

Ngày 21/9/2016, ông Lê Bá T là con của cụ C, tiếp tục có đơn khiếu nại đến UBND huyện N với nội dung diện tích 3844m², thửa số 32, tờ bản đồ địa chính số 34 xã X1 là của ông Lê Thượng C nhận khoán từ năm 1979, không phải là đất công ích.

Ngày 27/3/2017, UBND huyện N ban hành Văn bản số 662/UBND-NC trả lời đơn khiếu nại của ông Lê Bá T với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Lê Bá T.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc xử lý dứt điểm 04 trường hợp không chấp hành giao trả đất công ích cho UBND xã X1 quản lý

(gồm ông Lê Bá T, ông Nguyễn Phúc Lai, ông Đặng Minh Toàn, ông Nguyễn Đình Hóa), UBND huyện N đã nhiều lần làm việc, vận động ông T giao trả đất nhưng ông T không chấp hành.

Ngày 01/02/2018, UBND xã X1 lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông T vì có hành vi lấn chiếm diện tích 3844m², thửa đất số 32, tờ bản đồ địa chính số 34 xã X1 là đất công ích do UBND xã X1 quản lý.

Ngày 07/02/2018, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số: 219/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông Lê Bá T khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và trả lại đất để UBND xã X1 quản lý.

Ngày 09/02/2018, UBND xã X1 mời ông Lê Bá T làm việc để tổng đạt quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả nhưng ông T không nhận quyết định, không khắc phục hậu quả và không giao trả lại đất cho UBND xã X1 quản lý.

Ngày 23/3/2018, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 401/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Lê Bá T theo đúng thẩm quyền, nội dung theo quy định pháp luật. Nên đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá T.

**Người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng NLQ1, ông Lê Hiếu Nghĩa, bà Lê Thị Lý, bà Lê Thị Kim NLQ4, ông Lê Thượng NLQ5, bà Lê Thị Thu NLQ6, ông Lê Hùng Dũng, ông Lê Hùng NLQ8, bà Lê Thị Kim NLQ9, trình bày:* Đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá T về việc hủy Quyết định 401/QĐ-CCXP ngày 23/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện N; Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND huyện N; Quyết định số 2401/QĐ-UBND ngày 02/10/2012 của Chủ tịch UBND huyện N và Quyết định số 219/QĐ-KPHQ ngày 07/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện N; do các quyết định ban hành không đúng quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá T; tuyên hủy các quyết định hành chính của UBND và Chủ tịch UBND huyện N và buộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Bá T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 18/2018/HC-ST ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá T về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 401/QĐ-CCXP ngày 23/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 13/8/2018 ông Lê bá T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số: 622/2019/HC-PT ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. HCM đã quyết định hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, để giao cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định như sau:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá T về việc:

- Hủy Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận về việc thu hồi đất công ích hộ ông Lê Thượng C sử dụng giao lại cho Ủy ban nhân dân xã X1 quản lý;

- Hủy Quyết định số 2401/QĐ-UBND ngày 02/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Hùng NLQ7, cư ngụ: thôn T1 1, xã X1, huyện N;

- Hủy Quyết định số 219/QĐ-KPHQ ngày 07/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;

- Hủy Quyết định số 401/QĐ-CCXP ngày 23/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 32, tờ bản đồ số 34 diện tích 3.750,7m² tại xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận cho hộ ông Lê Bá T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/01/2022 người khởi kiện là ông Lê Bá T và người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hải NUQ3 và bà Nguyễn Thị NUQ4 nộp đơn kháng cáo đề ngày 21/01/2022, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với yêu cầu Tòa án phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá T.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người có kháng cáo: Ông Lê Bá T, bà Nguyễn Thị Hải NUQ3 và bà Nguyễn Thị NUQ4 giữ nguyên yêu kháng cáo đề nghị Tòa án phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá T.

Các luật sư bảo vệ cho ông T cho rằng các quyết định hành chính bị kiện hoàn toàn trái pháp luật, đề nghị Tòa án phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá T, với lập luận như sau:

Diện tích đất 3.844m², thửa đất số 32, tờ bản đồ địa chính số 34 xã X1 của cụ Lê Thượng C (cha của ông T), được UBND xã X1 xem xét giao cho không

phải là đất công ích, theo quyết định số 3988/QĐ-UBND ngày 21/10/2005 của UBND tỉnh Ninh Thuận giao đất công ích cho xã X1;

Việc ông Lê Hùng NLQ7 (cũng là con của cụ C) ký hợp đồng thuê diện tích đất 3.844m², thửa đất số 32, tờ bản đồ địa chính số 34 của xã X1, ông NLQ7 chỉ nhân danh cá nhân ký chứ không phải đại diện cho hộ gia đình cụ Lê Thượng C ký;

Diện tích đất 3.844m², thửa đất số 32, tờ bản đồ địa chính số 34 cụ Lê Thượng C được UBND xã X1 giao đất hoàn toàn đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Luật đất đai.

Người đại diện của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm, bởi các lý do sau:

Năm 2000, UBND xã X1 thu hồi đất của 14 hộ dân tại thôn T1, huyện N để quy hoạch Khu dân cư thôn T1 và thực hiện hoán đổi lại đất cho 14 hộ dân tại vùng Cây NLQ5 với tổng diện tích 2,32 ha. Sau khi hoán đổi đất cho 14 hộ dân có đất bị thu hồi. Diện tích đất còn lại tại vùng Cây NLQ5 2,68 ha, do UBND xã X1 đã xem xét cấp cho 13 hộ dân thuộc diện chính sách, bộ đội xuất ngũ và những hộ không có đất sản xuất, trong đó có cấp cho hộ cụ Lê Thượng C (cha của ông Lê Bá T). Nhưng cụ C không phải bộ đội xuất ngũ, không phải là hộ không có đất sản xuất.

Tuy diện tích đất 3.844m², thửa đất số 32, tờ bản đồ địa chính số 34 của xã X1 giao cho ông C không phải là đất công ích, nhưng đây là công do nhà nước quản lý sau khi hoán đổi cho 14 hộ dân còn dư ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm, bởi các lý do sau:

Thực hiện Kết luận thanh tra số: 637/KL-UBND ngày 18/6/2010 của huyện N và Kết luận thanh tra số: 3658/KL-UBND ngày 08/9/2011 của UBND tỉnh Ninh Thuận và Thông báo số: 06/TB-UBND ngày 13/01/2012 của UBND huyện N. UBND huyện N đã ban hành các quyết định: Quyết định số: 401/QĐ-CCXP; Quyết định số: 707; Quyết định số: 2401; Quyết định số 219 và từ chối cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.750,7m², thửa số 32, tờ bản đồ số 34 tại xã Phước Sơn, cho hộ ông Lê Bá T, là đúng pháp luật.

Trên cơ sở xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến tranh luận của các bên, ý kiến của các luật sư và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của người bị kiện là ông Lê Bá T và người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hải yến và bà Nguyễn Thị NUQ4 đề nghị sửa Bản án hành chính sơ theo hướng hủy các quyết định Quyết định số 707; Quyết định số 2401; Quyết định số 219; Quyết định số 401 và buộc Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 32, tờ bản đồ số 34 diện tích 3.750,7m² tại xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước cho hộ ông Lê Bá T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

* Về tố tụng:

[1] Ngày 23/3/2018 Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận ban hành Quyết định số: 401/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 16/4/2018 ông Lê Bá T nộp đơn khởi kiện quyết định 401 (Bút lục 25), là trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Ngày 09 tháng 8 năm 2018 Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá T. Ngày 13/8/2018 ông T kháng cáo bản án sơ thẩm, tại Bản án hành chính phúc thẩm số: 622/2019/HC-PT ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. HCM đã quyết định hủy toàn bộ bản án sơ thẩm trong đó có lý do phải xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính có liên quan gồm: Quyết định số: 707/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận về việc thu hồi đất công ích hộ ông Lê Thượng C sử dụng giao lại cho UBND xã X1 quản lý; Quyết định số: 2401/QĐ-UBND ngày 02/10/2012 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Hùng NLQ7. Cư ngụ: thôn T1 1, xã X1, huyện N; Quyết định số 219/QĐ-KPHQ ngày 07/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 23/3/2020 ông T khởi kiện bổ sung (Bút lục 366) đề nghị Tòa án hủy thêm 03 quyết định nêu trên là đã hết thời hiệu. Tuy nhiên, cả 03 quyết định hành chính nêu trên đều liên quan đến Quyết định số: 401/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế bị khởi kiện (đang còn thời hiệu) nên tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá tính hợp pháp của 03 quyết định hành chính nêu trên là phù hợp với Điều 193 của Luật tố tụng hành chính.

[3] Ngày 21/01/2022 Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, ngày 25/01/2022 người khởi kiện là ông Lê Bá T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng NLQ1, ông Lê Hiếu Nghĩa, bà Lê Thị Lý, bà Lê Thị Kim NLQ4, ông Lê Thượng NLQ5, bà Lê Thị Thu NLQ6, ông Lê Hùng Dũng, ông Lê Hùng NLQ8, bà Lê Thị Kim NLQ9 kháng cáo {(Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hải NUQ3 và bà Nguyễn Thị NUQ4) kháng cáo (Bút lục , 444, 455, 446, 448, 450 và 482)}. Đơn kháng cáo đề ngày 21/01/2022, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với yêu cầu Tòa án phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá T, là trong hạn luật định.

[4] Người bị kiện là UBND huyện N và Chủ tịch UBND huyện N; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê C NLQ1, ông Lê Hiếu NLQ2, bà Lê Thị NLQ3, bà Lê Thị Kim NLQ4, ông Lê Thượng NLQ5, bà Lê Thị Thu NLQ6, ông Lê Hùng NLQ7, ông Lê Hùng NLQ8 và bà Lê Thị Kim NLQ9, đều vắng mặt nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền nên Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

* Về nội dung:

[5] *Xét tính hợp pháp của Quyết định số: 707/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận về việc thu hồi đất công ích hộ ông Lê Thượng C sử dụng giao lại cho UBND xã X1 quản lý, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[6] Về thẩm quyền và trình tự thủ tục ban hành quyết định thu hồi đất của UBND huyện N là phù hợp với quy định của Luật đất đai năm 2003;

[7] Về lý do thu hồi: Quyết định số: 707 của UBND huyện N, thu hồi vì diện tích đất diện tích đất 3.844m², thửa đất số 32, tờ bản đồ địa chính số 34 ông Lê Thượng C được UBND xã X1 giao có nguồn gốc là đất công ích là không phù hợp với các chứng cứ có trong vụ hồ sơ vụ án. Bởi lẽ, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm người đại diện được ủy quyền của người bị kiện đều xác định diện tích đất 3.844m² UBND xã X1 giao cho ông Lê Thượng C tại thời điểm giao đất chưa được cấp có thẩm quyền đưa vào đất công ích của xã X1, Quyết định số: 3899/QĐ-UBND ngày 21/10/2005 của UBND tỉnh Ninh Thuận (Bút lục 220) thì thửa đất số 32, tờ bản đồ địa chính số 34 ông Lê Thượng C được UBND xã X1 giao không có trong danh sách được UBND tỉnh phê duyệt đưa vào đất công ích.

[8] Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định diện tích 3.750,7m², thửa số 32, tờ bản đồ số 34 do UBND xã Phước Sơn giao cho hộ ông Lê thượng C (Cha của ông Lê Bá T) không phải là đất công ích theo quy định của Luật đất đai năm 2003. Diện tích đất này là đất công, thuộc nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Luật đất đai năm 2003. Tuy, Quyết định số: 707 của UBND huyện N, thu hồi của hộ ông C có xác định là đất công ích là không phù hợp pháp luật, nhưng trong quyết định này nêu lý do thu hồi đất do cấp sai đối tượng là có căn cứ. Bởi lẽ, Năm 2000, UBND xã X1 thu hồi đất của 14 hộ dân tại thôn T1, huyện N để quy hoạch Khu dân cư thôn T1 và thực hiện hoán đổi lại đất cho 14 hộ dân tại vùng Cây NLQ5 với tổng diện tích 2,32 ha. Sau khi hoán đổi đất cho 14 hộ dân có đất bị thu hồi. Diện tích đất dư ra tại vùng Cây NLQ5 2,68 ha, UBND xã X1 có chủ trương xem xét giao cho 13 hộ dân thuộc diện chính sách, bộ đội xuất ngũ và những hộ không có đất sản xuất. Đối chiếu các điều kiện trên, thấy rằng ông Lê Thượng C (cha của ông Lê Bá T) không phải hộ gia đình chính sách, bộ đội xuất ngũ, cũng không phải là hộ không có đất sản xuất, do hộ ông C tại thời điểm xem xét giao đất đã có đất sản xuất với diện tích 9.018 m², gồm các thửa: Thửa số 125, tờ bản đồ số 28, diện tích 731m², đất trồng lúa;

Thửa số 131, tờ bản đồ số 28, diện tích 2.430m², đất trồng lúa; Thửa số 132, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.230m², đất trồng lúa; Thửa số 61, tờ bản đồ số 34, diện tích 2.652m², đất trồng cây hàng năm; Thửa số 83, tờ bản đồ số 34, diện tích 1.975m², đất trồng lúa (Bút lục 408 đến 423).

[9] Theo quy định tại Điều 37 của luật đất đai năm 2003 thì thẩm quyền giao đất thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và của UBND huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh. UBND xã, phường, thị trấn chỉ có thẩm quyền cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào đất ông ích của xã, phường, thị trấn. Như vậy, diện tích đất nêu trên theo Quyết định số: 3899/QĐ-UBND ngày 21/10/2005 của UBND tỉnh Ninh Thuận (Bút lục 220) không phải là đất công ích nhưng UBND xã X1 giao cho hộ ông Lê Thượng C là trái với quy định tại khoản 3 Điều 37 của Luật đất đai năm 2003. Mặt khác, trường hợp diện tích đất UBND xã X1 giao cho ông C là đất công ích thì UBND xã X1 cũng không có thẩm quyền giao đất mà chỉ có thẩm quyền cho thuê đất như quy định tại khoản 3 Điều 37 của Luật đất đai năm 2003.

[10] Việc sai phạm của UBND xã X1 đã có nhiều đơn thư khiếu nại, tố cáo của người dân địa phương về việc giao đất cho 13 hộ dân vùng cây NLQ5 của UBND xã X1. Chính quyền các cấp đã thành lập nhiều đoàn thanh tra để kiểm tra, xác minh làm rõ, tại Kết luận thanh tra số: 637/KL-UBND ngày 18/6/2010 của UBND huyện N (Bút lục 85) đã phát hiện 03 hộ gồm: Hộ ông Lê Thượng C, hộ bà Trần Thị L và hộ Võ Thị Thuộc được UBND xã X1 xét cấp đất không đúng quy định của pháp luật.

[11] Sau đó UBND tỉnh Ninh Thuận tiếp tục thanh tra về việc giao đất cho 13 hộ dân vùng Cây NLQ5 của UBND xã X1, tại Kết luận thanh tra số: 3658/KL-UBND ngày 08/9/2011 của UBND tỉnh Ninh Thuận (Bút lục 98) yêu cầu: “Cương quyết thu hồi đất nếu việc giao đất không đúng quy định để đảm bảo công bằng xã hội”. Thực hiện Kết luận thanh tra số: 3658 nêu trên, UBND huyện N đã tiếp tục rà soát lại, ngày 13/01/2012 đã ban hành Thông báo số: 06/TB-UBND (Bút lục 136) trong đó nêu rõ: “*Lợi dụng việc cấp đất cho các hộ chính sách, bộ đội phục viên bổ sung vào danh sách sai quy định, 03 hộ: Hộ ông Lê Thượng C, hộ bà Trần Thị L và hộ Võ Thị Thuộc*”. Hơn nữa, sau khi có Quyết định thu hồi đất số: 707, ngày 20/5/2013, ông Lê Hùng NLQ7 (Con của cụ C) đã chấp hành giao diện tích 3844m², thửa đất số 32, tờ bản đồ địa chính số 34 cho UBND xã X1 quản lý, đồng thời ký Hợp đồng số 01/HĐTĐ ngày 20/5/2013 thuê lại thửa đất trên với UBND xã X1 theo giá sàn với tổng số tiền là 3.074.000đ, thời gian thuê là 02 năm (năm 2012 và 2013) và nộp tiền thuê đất đầy đủ. Sau khi hợp đồng hết hạn, ngày 24/8/2015, ông NLQ7 tiếp tục ký lại Hợp đồng thuê đất với UBND xã X1 thời hạn 02 năm (năm 2014 và 2015) với số tiền 3.805.560đ, nhưng đến nay chưa nộp tiền thuê đất). Như vậy, Quyết định số: 707/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND huyện N về việc thu hồi đất diện tích 3.844m², thửa số 32, tờ bản đồ địa chính số 34 xã X1 đã cấp cho hộ

ông Lê Thượng C (Hiện nay ông C đã chết-Con trai là ông Lê Hùng NLQ7 trực tiếp canh tác), là có căn cứ phù hợp với quy định khoản 5 Điều 38 của Luật đất đai năm 2003.

[12] *Xét tính hợp pháp của các quyết định: Quyết định số: 2401/QĐ-UBND ngày 02/10/2012 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Hùng NLQ7. Cư ngụ: thôn T1 1, xã X1, huyện N; Quyết định số 219/QĐ-KPHQ ngày 07/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số: 401/QĐ-CCXP ngày 23/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, Hội đồng xét xử thấy rằng:*

[13] Về trình tự thủ tục, thẩm quyền, nội dung và hình thức là phù hợp với Điều 138 của Luật đất đai 2003; Các Điều 18, 27, 28,29,30, 31 của Luật khiếu nại năm 2011; Các Điều 28, 29, 38, 86, 87 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

[14] *Xét tính hợp pháp của hành vi của UBND huyện Ninh Phước không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 3.750,7m², thửa số 32, tờ bản đồ số 34 tại xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận (theo trích lục bản đồ địa chính ngày 26/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận) cho hộ ông Lê Bá T, Hội đồng xét xử thấy rằng:*

Như đã nhận định tại các Mục 7, 8, 9, 10, 11 nêu trên, diện tích 3.750,7m², thửa số 32, tờ bản đồ số 34 của hộ ông Lê Thượng C được UBND xã Phước Sơn giao không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng, hiện nay đã có Quyết định số: 707 của UBND huyện N, thu hồi, giao lại cho UBND xã X1 quản lý; Quyết định số 219 của Chủ tịch UBND huyện N, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số: 401 của Chủ tịch UBND huyện N, cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Như vậy, diện tích đất nêu trên của hộ ông Lê Thượng C, nay do con trai của ông C là ông Lê Bá T yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đủ điều kiện được quy định tại Điều 100 của Luật đất đai năm 2013.

[15] Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên kháng cáo của người khởi kiện là ông Lê Bá T và người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hải NUQ3 và bà Nguyễn Thị NUQ4 là không có căn cứ chấp nhận.

[16] Án phí hành chính phúc thẩm, do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Bá T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê C NLQ1, ông Lê Hiếu NLQ2, bà Lê Thị NLQ3, bà Lê Thị Kim NLQ4, ông Lê Thượng NLQ5, bà Lê Thị Thu NLQ6, ông Lê Hùng NLQ7, ông Lê Hùng

NLQ8, bà Lê Thị Kim NLQ9 mỗi người phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[17] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[18] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[20] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác toàn bộ kháng cáo của người bị kiện ông Lê Bá T và người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hải NUQ3 và bà Nguyễn Thị NUQ4, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; Khoản 1, Điều 241; Điều 242; khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Bá T và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng NLQ1, ông Lê Hiếu Nghĩa, bà Lê Thị Lý, bà Lê Thị Kim NLQ4, ông Lê Thượng NLQ5, bà Lê Thị Thu NLQ6, ông Lê Hùng Dũng, ông Lê Hùng NLQ8, bà Lê Thị Kim NLQ9 (Do người đại diện theo ủy quyền là: Bà Nguyễn Thị Hải NUQ3 và bà Nguyễn Thị NUQ4 kháng cáo).

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2022/HC-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

3. Áp dụng: Khoản 3 Điều 13; Điều 15; Điều 37; Khoản 5 Điều 38; Khoản 2 Điều 44; Điều 138 của Luật đất đai 2003; Điều 100 của Luật đất đai 2013; Các Điều 18, 27, 28, 29, 30, 31 của Luật khiếu nại năm 2011; Các Điều 28, 29, 38, 86, 87 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Nghị định 102/2014/NĐ-CP Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá T về việc đề nghị hủy các quyết định hành chính sau:

- Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận về việc thu hồi đất công ích hộ ông Lê Thượng C sử dụng giao lại cho Ủy ban nhân dân xã X1 quản lý;

- Quyết định số 2401/QĐ-UBND ngày 02/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Hùng NLQ7, cư ngụ: thôn T1 1, xã X1, huyện N;

- Quyết định số 219/QĐ-KPHQ ngày 07/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;

- Quyết định số 401/QĐ-CCXP ngày 23/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận thực hiện hành vi hành chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 32, tờ bản đồ số 34 diện tích 3.750,7m² tại xã X1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cho hộ ông Lê Bá T.

4. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện ông Lê Bá T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do ông Lê Bá T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013873 ngày 24/4/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Bá T, ông Lê C NLQ1, ông Lê Hiếu NLQ2, bà Lê Thị NLQ3, bà Lê Thị Kim NLQ4, ông Lê Thượng NLQ5, bà Lê Thị Thu NLQ6, ông Lê Hùng NLQ7, ông Lê Hùng NLQ8, bà Lê Thị Kim NLQ9 mỗi người phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm các đương sự nêu trên đã nộp theo các biên lai thu tiền sau:

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000464 ngày 17/02/2022;

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000465 ngày 17/02/2022;

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000466 ngày 17/02/2022;

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000467 ngày 17/02/2022;

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000468 ngày 17/02/2022;

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000469 ngày 17/02/2022;

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000470 ngày 17/02/2022;

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000471 ngày 17/02/2022;

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000472 ngày 17/02/2022;

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000473 ngày 17/02/2022;

(Các biên lai nêu trên của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận).

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS, TVN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Khương